|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TƯ PHÁP**Số: /2024/TT-BTP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

DỰ THẢO 2

(29/10/2024)

**THÔNG TƯ**

**Quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch pháp chế viên**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số*[*76/2009/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-76-2009-nd-cp-che-do-tien-luong-doi-voi-can-bo-cong-vien-chuc-luc-luong-vu-trang-sua-doi-nghi-dinh-204-2004-nd-cp-94740.aspx)*ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số*[*204/2004/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-204-2004-nd-cp-che-do-tien-luong-doi-voi-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-luc-luong-vu-trang-52629.aspx)*ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số*[*14/2012/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-14-2012-nd-cp-sua-doi-dieu-7-nghi-dinh-204-2004-nd-cp-135816.aspx)*ngày 07 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi Điều 7 Nghị định số*[*204/2004/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-204-2004-nd-cp-che-do-tien-luong-doi-voi-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-luc-luong-vu-trang-52629.aspx)*ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và Mục I Bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo (bầu cử, bổ nhiệm) trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước; cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân và Công an nhân dân ban hành kèm theo Nghị định số*[*204/2004/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-204-2004-nd-cp-che-do-tien-luong-doi-voi-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-luc-luong-vu-trang-52629.aspx)*; Nghị định số*[*17/2013/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-17-2013-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-204-2004-nd-cp-che-do-tien-luong-172938.aspx)*ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số*[*204/2004/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-204-2004-nd-cp-che-do-tien-luong-doi-voi-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-luc-luong-vu-trang-52629.aspx)*ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số*[*117/2016/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-117-2016-nd-cp-sua-doi-204-2004-nd-cp-tien-luong-can-bo-cong-vien-chuc-luc-luong-vu-trang-318278.aspx)*ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số*[*204/2004/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-204-2004-nd-cp-che-do-tien-luong-doi-voi-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-luc-luong-vu-trang-52629.aspx)*ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;*

*Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số**[138/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-138-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-va-quan-ly-cong-chuc-458542.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank) ngày 27 tháng 11 năm 2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số**[06/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-06-2023-ND-CP-kiem-dinh-chat-luong-dau-vao-cong-chuc-524935.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank) ngày 21 tháng 02 năm 2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế; Nghị định số 56/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;*

*Trên cơ sở thống nhất ý kiến với Bộ Nội vụ;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật,*

*Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch pháp chế viên.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch pháp chế viên, gồm pháp chế viên, pháp chế viên chính, pháp chế viên cao cấp.

2. Thông tư này áp dụng đối với công chức các ngạch pháp chế viên tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh); các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với người làm công tác pháp chế trong quân đội nhân dân, công an nhân dân thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Thời gian thực hiện một trong các nhiệm vụ, quyền hạn của công tác pháp chế là thời gian được tính cộng dồn (không kể thời gian tập sự) làm các công việc sau:

a) Thời gian làm công tác pháp chế tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các đơn vị quân đội, công an nhân dân, doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Thời gian có trình độ cử nhân luật trở lên và giữ ngạch chuyên viên và tương đương trở lên tại các vị trí việc làm có yêu cầu trình độ cử nhân luật trở lên đối với công chức, viên chức làm việc tại các cơ quan sau: Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp; hệ thống thi hành án dân sự; các cơ quan công an, quân đội, tòa án, kiểm sát, thanh tra, kiểm tra, nội vụ, nội chính, cơ quan nghiên cứu, cơ sở đào tạo pháp luật trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

c) Thời gian có trình độ cử nhân luật trở lên và giữ chức vụ lãnh đạo cấp ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên;

d) Thời gian hành nghề luật sư, đảm nhiệm các chức danh trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý;

đ) Thời gian giữ các ngạch, hạng tương đương với các ngạch pháp chế viên về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương.

2. Văn bản xác định thời gian thực hiện một trong các nhiệm vụ, quyền hạn của công tác pháp chế gồm:

a) Bản sao quyết định bổ nhiệm ngạch, hạng chuyên viên về pháp chế, văn bản có nội dung thay đổi ngạch, hạng chức danh (nếu có) hoặc hợp đồng làm việc đối với viên chức, nhân viên pháp chế đối với người thuộc điểm a khoản 1 Điều này;

b) Bản sao bằng cử nhân luật trở lên và quyết định bổ nhiệm ngạch công chức, bổ nhiệm chức danh viên chức, văn bản có nội dung thay đổi ngạch, chức danh (nếu có) hoặc hợp đồng làm việc đối với viên chức kèm bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với vị trí việc làm đã đảm nhiệm đối với người thuộc điểm b khoản 1 Điều này;

c) Bản sao bằng cử nhân luật trở lên và quyết định phê chuẩn chức vụ, chức danh, văn bản có nội dung thay đổi chức vụ, chức danh (nếu có) đối với người thuộc điểm c khoản 1 Điều này;

d) Bản sao bằng cử nhân luật trở lên và quyết định cấp thẻ hoặc chứng chỉ hành nghề hoặc quyết định bổ nhiệm các chức danh trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý, kèm theo giấy tờ chứng minh thời gian đóng bảo hiểm xã hội phù hợp với các chức danh tại điểm d khoản 1 Điều này;

đ) Bản sao quyết định bổ nhiệm ngạch công chức, bổ nhiệm chức danh viên chức, văn bản có nội dung thay đổi ngạch, chức danh (nếu có) hoặc hợp đồng làm việc đối với viên chức đối với người thuộc điểm đ khoản 1 Điều này.

**Điều 3. Mã số các ngạch pháp chế viên**

1. Pháp chế viên: Mã số 15.001.

2. Pháp chế viên chính: Mã số 15.002.

3. Pháp chế viên cao cấp: Mã số 15.003.

**Điều 4. Tiêu chuẩn chung các ngạch pháp chế viên**

1.Là công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, công minh, khách quan.

2. Công chức dự thi nâng ngạch, xét nâng ngạch, chuyển ngạch phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và các quy định khác của pháp luật.

**Chương II. TIÊU CHUẨN CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤVÀ XẾP LƯƠNG ĐỐI VỚI CÁC NGẠCH PHÁP CHẾ VIÊN**

 **Điều 5. Ngạch pháp chế viên**

 **1. Chức trách**

a) Tham mưu, tham gia nghiên cứu xây dựng chính sách; tham mưu, tham gia xây dựng, thẩm định, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, dự án, đề án;

b) Tham mưu, tham gia tổ chức triển khai thực thi các nhiệm vụ chuyên môn theo mảng công việc được phân công và theo quy định của pháp luật.

**2. Nhiệm vụ**

a) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Chương II Nghị định số 55/2011/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2024/NĐ-CP);

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo bản mô tả vị trí việc làm pháp chế viên tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định vị trí việc làm về công tác pháp chế trong cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

**3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ**

a) Hiểu và có khả năng vận dụng các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan, văn bản của cấp trên trong công tác pháp chế;

b) Có kiến thức, hiểu biết về các lĩnh vực pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến công tác pháp chế và có khả năng áp dụng các kiến thức, kĩ năng chuyên môn nghiệp vụ trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao;

c) Có khả năng soạn thảo, góp ý, thẩm định các văn bản liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao;

d) Có khả năng tham gia nghiên cứu tổng kết kinh nghiệm và thực tiễn công tác pháp chế;

đ) Có khả năng hướng dẫn áp dụng pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ về pháp chế;

e) Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và phối hợp với các đơn vị, cá nhân có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ được giao;

g) Có năng lực sử dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng**

a) Có trình độ cử nhân luật trở lên;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ pháp chế do Học viện Tư pháp, Bộ Tư pháp cấp;

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên và tương đương.

5. Người dự thi, xét chuyển vào ngạch pháp chế viên theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức thì ngoài các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này, Điều 29 và Điều 30 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức còn phải có ít nhất 02 năm (đủ 24 tháng) được tính cộng dồn thực hiện một trong các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Chương II của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2024/NĐ-CP), không kể thời gian tập sự tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký.

 **Điều 6. Ngạch pháp chế viên chính**

 **1. Chức trách**

a) Chủ trì, tham gia nghiên cứu, tham mưu, tổng hợp, thẩm định, hoạch định chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách; chủ trì, tham gia xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, dự án, đề án;

b) Chủ trì, tổ chức triển khai thực thi các nhiệm vụ chuyên môn theo mảng công việc được phân công và theo quy định của pháp luật.

**2. Nhiệm vụ**

a) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Chương II Nghị định số 55/2011/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2024/NĐ-CP);

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo bản mô tả vị trí việc làm pháp chế viên chính tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định vị trí việc làm về công tác pháp chế trong cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

**3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ**

a) Hiểu rõ và vận dụng tốt các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan, văn bản của cấp trên trong công tác pháp chế;

b) Có kiến thức, hiểu biết tốt về các lĩnh vực pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến công tác pháp chế và áp dụng thành thạo các kiến thức, kĩ năng chuyên môn nghiệp vụ trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao;

c) Thành thạo việc soạn thảo, góp ý, thẩm định các văn bản liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao;

d) Nghiên cứu, tham gia nghiên cứu tổng kết kinh nghiệm và thực tiễn công tác pháp chế;

đ) Có năng lực hướng dẫn áp dụng pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ về pháp chế;

e) Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và phối hợp với đơn vị, cá nhân có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ được giao;

g) Có năng lực sử dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng**

a) Có trình độ cử nhân luật trở lên;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ pháp chế do Học viện Tư pháp, Bộ Tư pháp cấp;

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên chính và tương đương hoặc có bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính.

5. Công chức dự thi, xét nâng ngạch, chuyển ngạch lên pháp chế viên chính theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức thì ngoài các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này, Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Có thời gian giữ ngạch pháp chế viên hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm (đủ 108 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký. Trường hợp có thời gian giữ ngạch tương đương với ngạch pháp chế viên thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ ngạch pháp chế viên tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký.

b) Trong thời gian giữ ngạch pháp chế viên đã chủ trì xây dựng, thẩm định ít nhất 01 văn bản quy phạm pháp luật, hoặc có đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở lên mà cơ quan sử dụng công chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu đạt yêu cầu, hoặc đã chủ trì xây dựng và triển khai thực hiện đạt hiệu quả ít nhất 01 sáng kiến trong phạm vi các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

 **Điều 7. Ngạch pháp chế viên cao cấp**

 **1. Chức trách**

a) Chủ trì tham mưu tổng hợp, thẩm định, hoạch định chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách; chủ trì xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, dự án, đề án;

b) Chủ trì, tổ chức triển khai thực thi các nhiệm vụ chuyên môn theo mảng công việc được phân công và theo quy định của pháp luật.

**2. Nhiệm vụ**

a) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Chương II Nghị định số 55/2011/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2024/NĐ-CP);

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo bản mô tả vị trí việc làm pháp chế viên chính tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định vị trí việc làm về công tác pháp chế trong cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

**3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ**

a) Am hiểu sâu sắc và vận dụng thành thạo các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan, văn bản của cấp trên, các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội có liên quan trong công tác pháp chế; nắm vững tình hình và xu thế phát triển của công tác pháp chế trong nước và thế giới;

b) Hiểu biết sâu sắc về các lĩnh vực pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ, quản lý liên quan đến công tác pháp chế và áp dụng rất thành thạo các kiến thức, kĩ năng chuyên môn nghiệp vụ, quản lý trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao;

c) Có năng lực đề xuất, tham mưu hoạch định chính sách; là chuyên gia trong việc soạn thảo, góp ý, thẩm định các văn bản liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao;

d) Tổ chức nghiên cứu phục vụ quản lý và xử lý thông tin quản lý;

đ) Có năng lực hướng dẫn áp dụng pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ về pháp chế;

e) Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và phối hợp tốt với cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ được giao;

g) Có năng lực sử dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng**

a) Có trình độ cử nhân luật trở lên;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ pháp chế do Học viện Tư pháp, Bộ Tư pháp cấp;

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương hoặc có bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính.

5. Công chức dự thi, xét nâng ngạch, chuyển ngạch lên pháp chế viên cao cấp theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức thì ngoài các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này, Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có thời gian giữ ngạch pháp chế viên chính hoặc tương đương tối thiểu là sáu năm (đủ 72 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký. Trường hợp có thời gian giữ ngạch tương đương với ngạch pháp chế viên chính thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ ngạch pháp chế viên chính tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch;

b) Trong thời gian giữ ngạch pháp chế viên chính hoặc tương đương đã chủ trì xây dựng, thẩm định ít nhất 02 văn bản quy phạm pháp luật, hoặc có đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở lên mà cơ quan sử dụng công chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu đạt yêu cầu, hoặc đã chủ trì xây dựng và triển khai thực hiện đạt hiệu quả ít nhất 02 sáng kiến trong phạm vi các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

 **Điều 8.** **Xếp lương đối với các ngạch pháp chế**

 1. Công chức các ngạch pháp chế được áp dụng Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong cơ quan Nhà nước theo quy định của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang như sau:

 a) Ngạch pháp chế viên (mã số 15.001) áp dụng bảng lương công chức loại A1, từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98;

 b) Ngạch pháp chế viên chính (mã số 15.002) áp dụng bảng lương công chức loại A2, nhóm A..., từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78;

 c) Ngạch pháp chế viên cao cấp (mã số 15.003) áp dụng bảng lương công chức loại A3, nhóm A..., từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00.

2. Công chức sau khi được chuyển ngạch vào các ngạch pháp chế theo quy định tại Nghị định số 55/2011/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2024/NĐ-CP) và Thông tư này được xếp lương theo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

**Chương** **III.**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 9. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm 2024.

**Điều 10. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này là căn cứ để thực hiện việc quản lý và sử dụng công chức các ngạch pháp chế viên.

Chuyên viên về pháp chế áp dụng mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với công chức chuyên ngành hành chính.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng Cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc quản lý và sử dụng đối với các ngạch pháp chế viên theo Thông tư này.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tổ chức pháp chế các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Văn phòng Trung ương và các Ban của TW Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Quốc hội;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Tòa án nhân dân tối cao;- Kiểm toán nhà nước;- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;- Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia;- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Công báo; Website Chính phủ; Website Bộ Nội vụ;- Bộ Tư pháp: Bộ trưởng, Thứ trưởng, các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ;- Lưu: VT, VĐCXDPL. | **BỘ TRƯỞNG****Nguyễn Hải Ninh** |